

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TỰ LẬP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-UBND

Tự Lập, ngày tháng năm 2024

THÔNG BÁO NIÊM YẾT
Danh sách hộ nghèo, hộ Cận nghèo và hộ thoát cận nghèo
trên địa bàn xã Tự Lập năm 2025

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 sửa đổi, bổ sung một số nội dung Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH;

Căn cứ Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05/9/2021 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hà Nội về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 3111/KH-BCĐ ngày 20/8/2024 của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo UBND thành phố Hà Nội về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 4134/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của UBND huyện Mê Linh về việc thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình huyện Mê Linh giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 3597/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của UBND huyện Mê Linh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình huyện Mê Linh giai đoạn 2022 - 2025;

Thực hiện kế hoạch số 288/KH-UBND ngày 27/8/2024 của UBND huyện Mê Linh về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024;

Thực hiện kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 30/8/2024 của UBND xã Tự Lập về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã năm 2024.

UBND xã Tự Lập thông báo niêm yết danh sách hộ nghèo, hộ Cận nghèo và hộ thoát cận nghèo trên địa bàn xã Tự Lập năm 2025.

(có danh sách kèm theo)

Thời gian niêm yết: Từ ngày 09/10/2024 đến hết ngày 11/10/2024

Địa điểm niêm yết: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã

Vậy UBND xã Tự Lập thông báo để toàn thể nhân dân được biết sau thời gian niêm yết, nếu không có ý kiến, kiến nghị, UBND xã tiến hành thực hiện theo quy trình hướng dẫn cấp trên./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy -UBND TT (để b/cáo);
- Đài truyền thanh TT (để thông báo);
- Bộ phận một cửa UBND xã (niêm yết);
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Duy Hưng

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT CẬN NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 10 năm 2024 của UBND xã Tự Lập)

TT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng năm sinh	Số nhân khẩu	Địa chỉ (Ghi theo thứ tự thôn/tổ)
I.	Hộ nghèo: 0 hộ, 0 nhân khẩu				0	
II	Hộ cận nghèo: 46 hộ				106	
1	Nguyễn Văn Đạo	Kinh	1	1951	5	Xóm 1, thôn Yên Bài
2	Nguyễn Thị Vinh	Kinh	2	1950	1	Xóm 1, thôn Yên Bài
3	Nguyễn Thị Mận	Kinh	2	1946	1	Xóm 1, thôn Yên Bài
4	Nguyễn Thị Phước	Kinh	2	1948	1	Xóm 1, thôn Yên Bài
5	Nguyễn Thị Gái	Kinh	2	1947	1	Xóm 1, thôn Yên Bài
6	Nguyễn Thị Phượng	Kinh	2	1949	1	Xóm 1, thôn Yên Bài
7	Nguyễn Thị Nghéch	Kinh	2	1950	1	Xóm 1, thôn Yên Bài
8	Đỗ Thị Phượng	Kinh	2	1969	2	Xóm 2, thôn Yên Bài
9	Lại Thị Hải	Kinh	2	1965	1	Xóm 2, thôn Yên Bài
10	Phan Thị Máu	Kinh	2	1935	1	Xóm 2, thôn Yên Bài
11	Dương Thị Hồng	Kinh	2	1962	7	Xóm 2, thôn Yên Bài
12	Dương Thị Khoa	Kinh	2	1956	4	Xóm 3, thôn Yên Bài
13	Vũ Thị Tài	Kinh	2	1947	1	Xóm 4, thôn Yên Bài
14	Đoàn Thị Thu	Kinh	2	1960	1	Xóm 4, thôn Yên Bài
15	Lại Thị Mây	Kinh	2	1961	1	Xóm 4, thôn Yên Bài

16	Nguyễn Thị Mến	Kinh	2	1958	1	Xóm 4, thôn Yên Bài
17	Nguyễn Văn Thành	Kinh	1	1979	4	Xóm 4, thôn Yên Bài
18	Nguyễn Văn Chín	Kinh	1	1974	6	Xóm 5, thôn Phú Mỹ
19	Trần Thị Bông	Kinh	2	1958	2	Xóm 5, thôn Phú Mỹ
20	Đỗ Thị Tâm	Kinh	2	1990	3	Xóm 5, thôn Phú Mỹ
21	Lỗ Mạnh Hải	Kinh	1	1986	5	Xóm 5, thôn Phú Mỹ
22	Trần Thị Toét	Kinh	2	1950	1	Xóm 6, thôn Phú Mỹ
23	Trần Thị Tiến	Kinh	2	1955	1	Xóm 6, thôn Phú Mỹ
24	Lê Thị Diên	Kinh	2	1979	3	Xóm 6, thôn Phú Mỹ
25	Lê Thị Đa	Kinh	2	1966	1	Xóm 6, thôn Phú Mỹ
26	Trần Thị Đê	Kinh	1	1973	3	Xóm 7, thôn Phú Mỹ
27	Phạm Thị Miến	Kinh	2	1968	2	Xóm 7, thôn Phú Mỹ
28	Phạm Thị Hương	Kinh	2	1973	1	Xóm 7, thôn Phú Mỹ
29	Nguyễn Thị Nắng	Kinh	2	1960	1	Xóm 7, thôn Phú Mỹ
30	Phạm Thị Luận	Kinh	5	1945	5	Xóm 7, thôn Phú Mỹ
31	Lê Thị Thường	Kinh	2	1958	3	Xóm 8, thôn Phú Mỹ
32	Lê Văn Huân	Kinh	1	1960	5	Xóm 9, thôn Phú Mỹ
33	Phạm Thị Quất	Kinh	2	1958	1	Xóm 9, thôn Phú Mỹ
34	Phạm Thị Luyến	Kinh	2	1980	2	Xóm 9, thôn Phú Mỹ
35	Nguyễn Thị Tuần	Kinh	2	1959	5	Xóm 9, thôn Phú Mỹ
36	Nguyễn Thị Nuôi	Kinh	1	1958	1	Xóm 9, thôn Phú Mỹ
37	Trần Thị Ca	Kinh	2	1968	3	Xóm 9, thôn Phú Mỹ
38	Đỗ Thị Phong	Kinh	2	1959	1	Xóm 10, thôn Phú Mỹ

39	Trần Thị Quang	Kinh	2	1978	3	Xóm 10, thôn Phú Mỹ
40	Nguyễn Văn Thịnh	Kinh	1	1979	3	Xóm 10, thôn Phú Mỹ
41	Lỗ Thị Duyên	Kinh	2	1957	1	Xóm 10, thôn Phú Mỹ
42	Lỗ Thị Thâm	Kinh	1	1949	1	Xóm 10, thôn Phú Mỹ
43	Nguyễn Thị Thanh Nga	Kinh	2	1986	4	Xóm 10, thôn Phú Mỹ
44	Ngô Xuân Lùng	Kinh	1	1957	3	Xóm 11, thôn Phú Mỹ
45	Trần Thị Hối	Kinh	2	1960	1	Xóm 11, thôn Phú Mỹ
46	Trần Thị Ngừ	Kinh	2	1957	1	Xóm 11, thôn Phú Mỹ
III	Hộ thoát cận nghèo: 08 hộ				10	
1	Vũ Thị Bé	Kinh	2	1961	1	Xóm 1, thôn Yên Bài
2	Lỗ Văn Nguyên	Kinh	1	1969	1	Xóm 4, thôn Yên Bài
3	Trần Thị Đoán	Kinh	2	1953	2	Xóm 6, thôn Phú Mỹ
4	Lê Thị Tần	Kinh	2	1970	1	Xóm 9, thôn Phú Mỹ
5	Trần Thị Thư	Kinh	2	1965	2	Xóm 8, thôn Phú Mỹ
6	Phạm Thị Dung	Kinh	2	1954	1	Xóm 10, thôn Phú Mỹ
7	Nguyễn Thị Tịch	Kinh	2	1946	1	Xóm 10, thôn Phú Mỹ
8	Lỗ Thị Nhâm	Kinh	2	1952	1	Xóm 11, thôn Phú Mỹ